

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/HNGĐ-ST

Ngày 05/11/2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, ông Trịnh Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên là Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 320/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1996; nơi cư trú tại ấp 1, xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Võ Liêm C, sinh năm 19...; nơi cư trú tại ấp 6, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 08/7/2019 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án nguyên đơn trình bày:*

Năm 2016 vợ chồng các đương sự đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến khoảng tháng 6 năm 2019 phát sinh các mâu thuẫn vợ và chồng, do bị đơn không tích cực lao động để có thu nhập giúp đỡ các thành viên trong gia đình nên vợ chồng không còn sống chung với nhau từ thời điểm này;

Vợ chồng có 01 người con là Võ Thị Kiều T, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2016 (con vẫn đang cư trú, sinh sống với nguyên đơn), bị đơn đã có ý kiến đồng ý để nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng con khi ly hôn; về nợ chung không có, tài sản chung không tranh chấp nên không có khởi kiện.

Vợ chồng nguyên đơn và bị đơn không còn tình nghĩa, hôn nhân không có hạnh phúc. Yêu cầu được ly hôn, là người trực tiếp nuôi dưỡng con, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

** Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn trình bày ý kiến:*

Bị đơn thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, con, tài sản chung, nợ chung là đúng sự thật; sau khi kết hôn, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng, đến tháng 6 năm 2019 bị đơn có đánh vợ (tát 01 cái) nên hai người đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019. Bị đơn không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương vợ, trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn bị đơn đồng ý để nguyên đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng con.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn tuân thủ đúng quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn tuân thủ đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Cuộc sống vợ chồng T và C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn không đến Tòa án hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, thể hiện ông C không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà T.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Võ Liêm C; giao con Võ Thị Kiều T, sinh ngày 17/8/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh C tạm thời không cấp dưỡng nuôi con chung (do chị T không yêu cầu cấp dưỡng); tài sản chung, tài sản riêng, trách nhiệm thanh toán nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Khi có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, được nuôi con. Quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ hôn nhân và gia đình của các đương sự được xác lập năm 2016, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Hôn nhân giữa các đương sự có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật được coi là hôn nhân hợp pháp.

Qua ý kiến trình bày của các đương sự và tài liệu xác minh của Tòa án là chứng cứ chứng minh: Các đương sự sống chung có nhiều mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng, các đương sự không còn sống chung từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Như vậy, nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, giúp đỡ giữa vợ và chồng, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với người con chưa thành niên:

Con của các đương sự là Võ Thị Kiều T đã sinh sống, cư trú ổn định với bà Nguyễn Thị T. Khi nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, giải quyết: Bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Võ Liêm C phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung của các đương sự không có tranh chấp không có khởi kiện Tòa án không thụ lý giải quyết các vấn đề này. Đối với quan hệ dân sự khác có liên quan đến trách nhiệm của bà T và ông C khi có đơn khởi kiện thì Tòa án thụ lý giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn và được trực tiếp nuôi dưỡng con là phù hợp với các chứng cứ vụ án và các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Võ Liêm C;

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với người con chưa thành niên:

Bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con là Võ Thị Kiều T, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2016 (bà T không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con);

Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật và có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của các đương sự không có khởi kiện Tòa án không thụ lý giải quyết. Đối với quan hệ dân sự khác có liên quan đến trách nhiệm của bà T và ông C khi có đơn khởi kiện thì Tòa án thụ lý giải quyết trong vụ án khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008310 ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Liêm C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND cấp xã nêu trên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính